

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh,
Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 và những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (để biết);
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng CCHC (T);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)



1. Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh

STT	Đơn vị	Điểm điều tra XHH	Điểm thẩm định	Điểm trừ	Điểm đạt được/điểm tối đa	Chỉ số CCHC (tỷ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa)
1	Sở Tư pháp	32,62	57,63	2	88,25/100	88,25%
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	31,84	56,67	3	85,51/98,5	86,81%
3	Sở Công Thương	34,76	53,39	3	85,15/100	85,15%
4	Sở Tài chính	33,40	54,14	4	83,54/98,5	84,81%
5	Sở Khoa học và Công nghệ	31,62	53,77	1	84,39/100	84,39%
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	33,40	53,84	3	84,24/100	84,24%
7	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	30,46	53,47	2	81,93/97,5	84,03%
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	33,69	51,06	1	83,75/100	83,75%
9	Sở Thông tin và Truyền thông	31,06	52,67		83,73/100	83,73%
10	Ban Quản lý Khu kinh tế	27,75	55,84		83,59/100	83,59%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	32,66	51,13	2	81,79/100	81,79%
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30,91	52,64	2	81,55/100	81,55%
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32,69	46,84	5	74,53/93	80,14%



14	Sở Nội vụ	31,25	50,85	2	80,10/100	80,10%
15	Sở Y tế	32,40	51,67	4	80,07/100	80,07%
16	Sở Xây dựng	30,90	50,93	6	75,83/100	75,83%
17	Sở Giao thông vận tải	31,74	49,08	9	71,82/100	71,82%

Riêng đối với Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc, theo quy định tại Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau”, thực hiện việc chấm điểm để đánh giá kết quả thực hiện nhưng không xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (do đặc thù nên có nhiều tiêu chí đơn vị không phải thực hiện). Kết quả đạt được của 02 đơn vị cụ thể như sau:

- Ban Dân tộc: Tổng số điểm đạt được 79,12/89,50 điểm (trong đó, điểm điều tra xã hội học 32,47 điểm; điểm thẩm định 46,65 điểm), tỷ lệ 88,40%.

- Thanh tra tỉnh: Tổng số điểm đạt được 68,96/87,50 điểm (trong đó, điểm điều tra xã hội học 31,97 điểm; điểm thẩm định 39,99 điểm, trừ 03 điểm do có văn bản phê bình, rút kinh nghiệm), tỷ lệ 78,81%.

2. Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thành phố

STT	Đơn vị	Điểm điều tra XHH	Điểm thẩm định	Điểm trừ	Điểm đạt được	Chỉ số CCHC (tỷ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa)
1	Huyện Đầm Dơi	28,66	54,98	4	79,64	79,64%
2	Huyện U Minh	26,92	53,48	2	78,40	78,40%
3	Huyện Năm Căn	27,13	51,91	4	75,04	75,04%
4	Huyện Ngọc Hiển	26,46	52,49	4	74,95	74,95%
5	Huyện Phú Tân	28,01	51,85	6	73,86	73,86%
6	Huyện Cái Nước	28,60	47,83	4	72,43	72,43%
7	Huyện Thới Bình	27,79	49,38	5	72,17	72,17%



Huyện Trần Văn Thời	26,33	50,81	5	72,14	72,14%
Thành phố Cà Mau	27,21	50,69	7	70,90	70,90%